

Số: 05/2025/QĐST - LĐ

TP Hải Dương, ngày 25 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG – TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Thu

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Ông Phạm Minh Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 08/2025/TLST-VDS ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc: Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 25/2025/QĐST-VDS ngày 18/4/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:** Chị Trần Thị L, sinh năm 1987; Địa chỉ: KDC P, phường N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị Phạm Thị H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương. (Có mặt).

+ Công ty TNHH M; Địa chỉ: Lô A KCN N, phường A, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo pháp luật: Ông Gao Zhi G - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Zhao H1 - Chức vụ: Phó tổng giám đốc. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

+ Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Số 7 đường T, phường B, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị H2.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Hoàng H3 - Phó trưởng phòng quản lý thu - sổ, thẻ. (Có mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Tại đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu chị Trần Thị L trình bày:

Chị và chị Phạm Thị H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương có quan hệ họ hàng. Năm 2006 khi chị đang đi học tại trường Trung cấp nông nghiệp và phát triển nông thôn H4 thì chị H có mượn của chị chứng

minh nhân dân, bằng tốt nghiệp cấp 2, giấy khai sinh của chị để làm hồ sơ xin việc. Do không hiểu biết pháp luật nên chị đã cho chị H mượn các giấy tờ trên. Sau đó chị H đã xin vào làm việc vào Công ty TNHH M có địa chỉ tại: Lô A, KCN N, phường A, thành phố H và được Công ty TNHH M ký kết hợp đồng lao động. Khi làm việc tại TNHH may M chị H đã được Công ty đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật từ tháng 9/2006 đến tháng 05/2009, đã được Cơ quan bảo hiểm xã hội làm thủ tục cấp mã số sổ bảo hiểm là 8607011170 mang tên của chị là Trần Thị L, trong khi thực tế chị không làm việc tại TNHH may M thời gian nào. Trong thời gian chị H làm việc tại Công ty TNHH M thì từ tháng 4/2008 đến tháng 12/2008 chị L cũng đi làm tại Công ty TNHH M TOYODENSO và cũng được công ty đóng bảo hiểm mã số sổ bảo hiểm là 8607011170 mang tên chị Trần Thị L. Sau đó từ tháng 4 năm 2009 đến tháng 7 năm 2009 chị đi làm ở Công ty TNHH M1. Lý do trong thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 7/2009 chị và chị H đi làm tại các công ty và đều được các công ty đóng bảo hiểm xã hội với một số sổ là 8607011170 là do các công ty tự đóng bảo hiểm cho chị, chị cũng không rõ tại sao lại trùng mã số.

Chị L xác định trong cùng một thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 5/2009 cùng một con người trên hệ thống bảo hiểm xã hội thì chị đang tham gia bảo hiểm tại 03 công ty, trong khi thực tế chị chỉ đi làm tại Công ty TNHH M và Công ty TNHH M1. Từ khi chị nghỉ làm tại hai công ty trên thì chị chưa làm thủ tục rút tiền bảo hiểm. Đối với chị H sau khi nghỉ việc tại Công ty TNHH M thì chị H đã tự đi làm thủ tục rút bảo hiểm một lần số tiền 4.506.250đ vào năm 2010, số tiền rút về chị H là người cầm chi tiêu chứ chị L không được hưởng.

Nay chị nhận thức việc chị H mượn hồ sơ tư pháp của chị để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M là gian dối, vi phạm nguyên tắc trung thực khi ký kết hợp đồng lao động. Do vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương tuyên bố: Hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty TNHH M với Trần Thị L (do chị Phạm Thị H ký) là vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu, số tiền bảo hiểm tại Công ty TNHH M chị H đứng tên chị làm thủ tục rút bảo hiểm xã hội một lần thì chị H phải có trách nhiệm trả lại cho bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương. Chị nhất trí hoàn trả số tiền thoái thu bảo hiểm cho Công ty TNHH M theo tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương.

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và chị Trần Thị L có quan hệ họ hàng. Do không hiểu biết pháp luật nên năm 2006 chị có nhu cầu xin việc vào công ty để đi làm nhưng chưa đủ tuổi nên chị có mượn chứng minh thư nhân dân, giấy khai sinh, bản sao bằng tốt nghiệp cấp 2 của chị Trần Thị L để đi làm bộ hồ sơ xin việc. Sau khi mượn được hồ sơ tư pháp của chị L, chị có nộp hồ sơ xin việc mang tên chị Trần Thị L đến Công ty TNHH M có địa chỉ tại KCN N, thành phố Hải Dương. Sau khi xem xét hồ sơ, Công ty TNHH M đã ký hợp đồng lao động với chị theo đúng quy định của pháp luật. Hiện nay hợp đồng lao động do thời gian đã lâu nên chị đã làm mất không còn lưu giữ hợp đồng. Việc Công ty TNHH M ký hợp đồng với chị, chị cũng không nói cho Công ty biết chị mượn hồ sơ của chị L nên công ty không biết. Sau khi ký hợp đồng, Công ty đã tiến hành đóng Bảo hiểm xã hội cho chị theo tên của chị Trần Thị L từ tháng 9/2006 đến tháng 5/2009 theo quy định của pháp luật, đã

được Cơ quan bảo hiểm xã hội làm thủ tục cấp mã số sổ bảo hiểm là 8607011170 mang tên của chị Trần Thị L. Tháng 6/2009 chị đứng tên của chị L xin nghỉ việc tại Công ty TNHH M.

Đến năm 2010 khi đủ tuổi lao động chị vẫn đi làm ở Công ty TNHH M nhưng làm hồ sơ lấy tên của chị. Sau khi đủ tuổi làm hồ sơ đứng tên chị thì chị đã đi làm thủ tục thanh toán bảo hiểm một lần cho chị đối với số tiền bảo hiểm Công ty TNHH M đóng cho chị trong thời gian từ tháng 9/2006 đến tháng 5/2009 và đã được bảo hiểm xã hội huyện N thanh toán số tiền bảo hiểm một lần là 4.506.250đ. Khi chị đi làm thủ tục thanh toán bảo hiểm một lần chị vẫn lấy tên chị Trần Thị L để đi thanh toán, số tiền bảo hiểm một lần chị là người được hưởng và chi tiêu cá nhân.

Đến nay chị H nhận thấy việc mượn hồ sơ tư pháp của chị L để làm hồ sơ đi xin việc và đứng tên chị L là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của chị L. Chị nhất trí với quan điểm của chị L, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty M (Địa chỉ: KCN N, phường A, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương) và chị Trần Thị L (do chị H đứng tên ký) là vô hiệu theo quy định pháp luật và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Trường hợp số tiền bảo hiểm chị đã làm thủ tục rút một lần trong thời gian chị mượn hồ sơ tư pháp của chị L làm việc tại Công ty TNHH M từ tháng 9/2006 đến tháng 5/2009 phải trả lại cho bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương thì chị cũng nhất trí và chị cũng nhất trí hoàn trả số tiền thoái thu bảo hiểm cho Công ty TNHH M theo tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M trình bày:

Công ty TNHH M có ký kết hợp đồng lao động với chị Trần Thị L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do thời gian đã lâu nên hợp đồng lao động giữa chị L và Công ty đã bị thất lạc nên Công ty không cung cấp được cho Tòa án. Thời gian chị L làm việc tại Công ty TNHH M từ tháng 9/2006 đến tháng 5/2009. Tháng 6 năm 2009 chị L nghỉ việc vì lý do cá nhân. Từ tháng 09 năm 2006 đến tháng 5/2009 Công ty đã tham gia bảo hiểm xã hội cho chị Trần Thị L theo sổ số 8607011170. Công ty không ký hợp đồng lao động với chị Phạm Thị H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương. Việc chị Phạm Thị H lấy tên chị Trần Thị L để ký kết hợp đồng lao động với Công ty thì Công ty không biết. Đối với yêu cầu của chị Trần Thị L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương trình bày:

Căn cứ vào dữ liệu quản lý của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương cung cấp quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN và giải quyết chế độ BHXH một lần, trợ cấp thất nghiệp của bà Trần Thị L, sinh ngày 12/9/1987, mã số bảo hiểm xã hội là 8607011170, cụ thể như sau:

- Từ tháng 9/2006 đến tháng 5/2009: Tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH M; Đã giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội một lần tại BHXH huyện N theo quyết định số 4232/QĐ – BHXH ngày 26/7/2010.

- Từ tháng 4/2008 – 12/2008 tham gia BHXH tại Công ty TNHH M.

- Từ tháng 04/2009 – 7/2009 tham gia BHXH tại Công ty TNHH M1.

- Từ tháng 10/2009 – 01/2010 tham gia BHXH tại Công ty M2.
- Từ tháng 01/2013 – 04/2018 tham gia BHXH tại Công ty cổ phần S.
- Từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 6 năm 2023 tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH M.

Quan điểm của BHXH tỉnh Hải Dương: Đề nghị Tòa án căn cứ đúng quy định của pháp luật để giải quyết theo thẩm quyền, đồng thời yêu cầu bà Phạm Thị H thực hiện nộp lại toàn bộ số tiền đã hưởng trợ cấp một lần sai đối tượng. Sau khi có kết luận của Tòa án, căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ – BNN cho người lao động, BHXH tỉnh Hải Dương sẽ thực hiện theo đúng quy định.

Tại phiên họp: Người yêu cầu chị Trần Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị H giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương xác định tổng số tiền bảo hiểm Công ty TNHH M đóng cho người lao động tên Trần Thị L từ tháng 09/2006 đến tháng 5/2009 là 5.744.800đ. Số tiền chị H (đứng tên chị L) rút bảo hiểm một lần là 4.506.250đ. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương xác định Thẩm phán, thư ký phiên họp, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương: Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149, 367, 370, 371, 372, 401, 402 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, 127, 132 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 29 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 15, 16, 50, 51 Bộ luật lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L: Tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động tên Trần Thị L và Công ty TNHH M là vô hiệu. Hoàn trả cho Công ty TNHH M toàn bộ số tiền bảo hiểm đã đóng cho người lao động đứng tên Trần Thị L từ tháng 9/2006 đến tháng 5/2009 theo quy trình thoái thu của B. Chị Phạm Thị H phải hoàn trả lại cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương số tiền hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần do Bảo hiểm xã hội huyện N chi trả là 4.506.250đ. Về lệ phí: Buộc chị Trần Thị L phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

- **Về thẩm quyền giải quyết:** Công ty TNHH M có trụ sở tại Lô A KCN N, phường A, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương theo quy định tại điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về sự vắng mặt của đương sự:** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ

khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người trên.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH M với chị Trần Thị L (do chị Phạm Thị H ký hợp đồng) là vô hiệu: Quá trình giải quyết việc lao động mặc dù người yêu cầu và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không xuất trình được hợp đồng lao động ký kết giữa chị L (do chị H ký) với Công ty TNHH M vì thời gian đã lâu, hợp đồng lao động đã bị thất lạc. Tuy nhiên, căn cứ lời khai chị L, chị H, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH M và cung cấp của Bảo hiểm xã hội tỉnh H về quá trình tham gia bảo hiểm của chị Trần Thị L có cơ sở xác định Công ty TNHH M có ký kết Hợp đồng lao động với chị Trần Thị L nhưng do chị Phạm Thị H ký và chị H là người trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH M. Việc chị H mượn hồ sơ tư pháp chị L làm hồ sơ xin việc và đứng tên chị L để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M là giả mạo khi giao kết hợp đồng. Vì vậy yêu cầu của chị L đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động giữa người lao động tên Trần Thị L (do chị H ký) và Công ty TNHH M vô hiệu là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu:

Quá trình chị H làm việc tại Công ty TNHH M, Công ty đã đóng đóng bảo hiểm từ tháng 9/2006 đến tháng 5/2009 cho chị H theo sổ sổ bảo hiểm là 8607011170. Căn cứ vào tài liệu ghi quá trình đóng BHXH, BHTN và quan điểm của Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương có cơ sở xác định tổng số tiền bảo hiểm Công ty TNHH M đã đóng cho chị H (đứng tên chị L) trong khoảng thời gian từ tháng 9/2006 đến tháng 5/2009 là 5.744.800đ. Chị H tự nguyện đề nghị hoàn trả cho Công ty TNHH M toàn bộ số tiền bảo hiểm đã đóng. Vì vậy cần phải hoàn trả cho Công ty TNHH M số tiền 5.744.800đ theo quy trình thoái thu của B.

Đối với việc sau khi chị H nghỉ việc tại Công ty TNHH M, chị H đã làm hồ sơ giải quyết chế độ bảo hiểm một lần tại BHXH huyện N theo quyết định số 4232/QĐ - BHXH ngày 16/7/2010 của sổ bảo hiểm là 8607011170, số tiền chị H được thanh toán là 4.506.250đ. Đối với số tiền này, chị H sử dụng toàn bộ, các bên đều thỏa thuận thống nhất chị H hoàn trả cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương là tự nguyện, đúng pháp luật nên được Tòa án chấp nhận

[3]. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Trần Thị L phải chịu lệ phí sơ thẩm việc dân sự theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149, 367, 370, 371, 372, 401, 402 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, 127, 132 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 29 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 15, 16, 50, 51 Bộ luật lao động năm 2019; Luật phí lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Trần Thị L:

Tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa người sử dụng lao động Công ty TNHH M với người lao động chị Trần Thị L (do chị Phạm Thị H ký hợp đồng) là vô hiệu toàn bộ.

2. Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ:

Hoàn trả cho Công ty TNHH M tổng số tiền bảo hiểm đã đóng cho chị Phạm Thị H (đứng tên Trần Thị L) từ tháng 9/2006 đến hết tháng 5/2009 là 5.744.800đ (Năm triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm đồng) theo quy trình thoái thu của B.

Chị Phạm Thị H phải hoàn trả lại cho Bảo hiểm xã hội tỉnh Hải Dương số tiền hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần tại BHXH huyện N theo quyết định số 4232/QĐ – BHXH ngày 16/7/2010 của sổ sổ bảo hiểm là 8607011170, số tiền là 4.506.250đ (Bốn triệu năm trăm linh sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng).

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền số 0001320 ngày 10/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm việc dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Dương sự có mặt được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định. Dương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THA dân sự TP Hải Dương;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Thu